

021 (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Phú Thọ

Some key socio-economic indicators of Phu Tho

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ Prel. 2021
Tỷ suất nhập cư (‰) <i>In-migration rate (‰)</i>	2,7	1,7	1,1	1,1	1,3	1,3	1,7
Tỷ suất xuất cư (‰) <i>Out-migration rate (‰)</i>	3,4	3,8	1,0	3,9	5,7	3,3	2,4
Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (Năm) <i>Life expectancy at birth (Year)</i>	73,2	73,3	73,4	73,4	73,4	73,4	73,5
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%) <i>Percentage of literate population at 15 years of age and above (%)</i>	97,8	98,1	98,0	98,1	98,5	97,9	97,6
MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/km²) POPULATION DENSITY (Person/km²)	394	399	405	410	415	419	427
LAO ĐỘNG - LABOUR							
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Nghìn người) <i>Labour force at 15 years of age and above (Thous. persons)</i>	854,4	856,1	841,6	848,0	850,5	847,4	679,2
Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế (Nghìn người) <i>Employed population at 15 year of age and above by kinds of economic activity (Thous. persons)</i>	844,0	843,3	826,6	833,9	840,0	836,4	673,0
Phân theo khu vực kinh tế <i>By economic sector</i>							
Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	463,6	440,2	414,7	406,2	352,5	341,0	124,9
Công nghiệp và xây dựng <i>Industry and construction</i>	187,7	202,2	212,8	214,7	234,9	260,5	329,9
Dịch vụ - Service <i>Service</i>	192,7	200,9	199,1	212,9	252,6	234,9	218,2
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%) <i>Percentage of trained labour force at 15 years of age and above (%)</i>	21,0	21,0	21,8	21,8	24,6	25,2	34,6
Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Unemployment rate of labour force at working age (%)</i>	1,66	1,99	2,21	1,94	1,46	1,47	0,99
Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Underemployment rate of labour force at working age (%)</i>	2,06	2,16	1,82	2,01	1,42	2,36	0,70